

Bản án số: 204/2022/DS-ST

Ngày 30 - 11 - 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Trần Công Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Bùi Minh D, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lý Trường S, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P thống nhất trình bày:* Trước đây, chị H có làm chủ hội, ông bà có tham gia chơi trong các dây hội, cụ thể:

Dây hội 2.000.000đ, mở ngày 10/4/2018 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hội gồm 35 chung, ông bà tham gia 01 chung. Chung hội này ông bà hốt được 56.800.000đ, chị H giao cho ông bà tiền hội là 30.000.000đ. Số tiền còn nợ chúng ông bà là 26.800.000đ.

Dây hội 5.000.000đ, mở ngày 25/01/2019 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hội gồm 30 chung, ông bà tham gia 01 chung. Đến thời điểm chị H đình hội thì phần tiền ông bà đóng là 91.500.000đ, chị H có trả cho ông bà được 68.000.000đ. Số tiền còn nợ ông bà là 23.500.000đ.

Dây hội 3.000.000đ, mở ngày 19/4/2019 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hội ông bà không biết có bao nhiêu chung, ông bà tham gia 01 chung. Chung hội nay đóng được 16 kỳ thì chị H đình hội. Phần tiền ông bà đóng là 46.000.000đ, chị H có trả cho ông bà được 37.328.000đ. Số tiền còn nợ ông bà là 8.672.000đ.

Trong suốt quá trình làm chủ hội, anh Lý Trường S là con của chị H có đi gom tiền hội thay cho chị H. Chị H là người rủ ông bà tham gia chơi hội, giấy danh sách hội do chị H giao. Sau khi chơi một thời gian, S con chị H ra ở riêng nên chị H khui hội tại nhà S. Bởi vì, đường vô nhà của chị H khó đi, nhà S thuận tiện hơn.

Nay ông bà yêu cầu chị H và anh S trả cho ông bà số tiền hội còn nợ là 58.972.000đ.

*Chị Nguyễn Thúy H trình bày:* Các dây hội và chung hội ông D và bà P khởi kiện yêu cầu chị trả tiền là không đúng. Từ trước đến nay chị không có tham gia chơi hội hay giao dịch hội với ông D, bà P. Người chơi hội với ông D, bà P là con chị Lý Trường S. Giấy danh sách hội ghi tên chủ hội Nguyễn Thúy H là do con chị tự ghi. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu của ông D, bà P.

Tại phiên tòa:

- Ông D và bà P chỉ yêu cầu chị H trả số tiền nợ hội 58.972.000đ, không yêu cầu anh S trả.

- Chị H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D, bà P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P. Buộc chị Nguyễn Thúy H phải trả cho ông D và bà P số tiền là 58.972.000đ.

Án phí dân sự: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thúy H trả tiền nợ hụi là vụ kiện tranh chấp hụi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh S có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông D, bà P xác định chị H là chủ hụi có mở các dây hụi 2.000.000đ, mở ngày 10/4/2018 âl, hụi 5.000.000đ, mở ngày 25/01/2019 âl, hụi 3.000.000đ, mở ngày 19/4/2019 âl và còn nợ ông bà với số tiền là 58.972.000đ. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận là chủ hụi có mở các dây hụi đó và không có giao dịch hụi với ông D, bà P, người mở hụi và giao dịch hụi với ông D, bà P là Lý Trường S con chị. Theo biên bản lấy lời khai của anh S thì anh S xác định các dây hụi nêu trên do anh mở, gom hụi, khui hụi, bà H không có liên quan gì đến các dây hụi ông D, bà P khởi kiện. Xét thấy: Theo các tài liệu do Tòa án thu thập tại các hồ sơ chị H kiện ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L, chị H kiện ông T, bà L, chị Trương Hồng M và anh Ngô Quốc T1, chị H kiện ông T, bà L, chị Ngô Kim L1 và anh Nguyễn Văn C, chị H kiện chị Ngô Diệu H1 thì chị H thừa nhận chị là chủ hụi trong các dây hụi ông D, bà P đang khởi kiện. Trong số các vụ kiện trên có vụ kiện Tòa án đình chỉ xét xử, có vụ Tòa án xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của ông D, bà P là có căn cứ nên được chấp nhận. Còn lời trình bày của chị H, anh S là không có căn cứ nên không được chấp nhận,

[4] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ông D, bà P có tham gia chơi hụi với chị H và chị H còn nợ tiền hụi ông D, bà P 58.972.000đ là thực tế có xảy ra. Xét thấy: Chị H là chủ hụi, còn ông D, bà P là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi, ông D và bà P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi cho chị H. Với vai trò là chủ hụi, chị H là người bảo lãnh cho các hụi viên tham gia. Cho nên, trong quá trình chơi hụi nếu hụi bị bể hay bị hụi viên hốt mà không đóng hụi lại hoặc đình hụi thì chị H phải chịu trách nhiệm đối với các hụi viên. Như vậy, việc chị H tự đình hụi thì chị phải có trách nhiệm trả tiền hụi lại cho hụi viên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D, bà P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:  $58.972.000đ \times 5\% = 2.958.600đ$ .

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P.

1. Buộc chị Nguyễn Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P số tiền là 58.972.000 đồng (năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thúy H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Bùi Minh D và bà Trịnh Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông D, bà P 737.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0013040 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Chị Nguyễn Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.958.600 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**